

THÔNG BÁO

Công khai "Về việc cấp bổ sung kinh phí "

Căn cứ Luật ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15, được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, Kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 25 tháng 6 năm 2025 có hiệu lực từ ngày 01/01/2026;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2629/QĐ-UBND ngày 18/9/2026 của UBND phường Ưông Bí "Về việc cấp bổ sung kinh phí ";

Trường TH Quang Trung, phường Ưông Bí thông báo về việc cấp bổ sung kinh phí ngân sách nhà nước năm 2026 như sau:

Tổng kinh phí được cấp bổ sung: 1.020.230.000 đồng

(Kèm theo quyết định số 2629/QĐ-UBND ngày 18/9/2026 của UBND phường Ưông Bí "Về việc cấp bổ sung kinh phí ")

Trên đây là thông báo về việc cấp bổ sung kinh phí ngân sách nhà nước năm 2026 của Trường TH Quang Trung, phường Ưông Bí.

Nơi nhận:

- Bảng tin nhà trường;
- Cổng TTĐT nhà trường;
- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Thị Huyền

**ỦY BAN NHÂN DÂN
PHƯỜNG ƯƠNG BÍ**

Số: 2629/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Uông Bí, ngày 18 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc cấp bổ sung kinh phí

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG ƯƠNG BÍ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ các Quyết định của UBND phường: số 1818/QĐ-UBND, ngày 25/12/2025 về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách địa phương, phân bổ dự toán chi ngân sách phường năm 2026; số 1910/QĐ-UBND, ngày 20/7/2026 về việc điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế phường;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung cho các phòng, ban, đơn vị, trường học thuộc phường Uông Bí, số tiền **6.726.143.000 đồng (Sáu tỷ, bảy trăm hai mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi ba nghìn đồng)**, kinh phí thực hiện Nghị định số 161/2026/NĐ-CP và Nghị định số 162/2026/NĐ-CP (theo phụ biểu số 01 và 02 kèm theo);

Nguồn kinh phí thực hiện: Từ nguồn cải cách tiền lương ngân sách phường năm 2026 cấp: 6.041.393.000 đồng; từ nguồn cải cách tiền lương để tại các trường học (học phí): 684.750.000 đồng.

Điều 2. Phòng Kinh tế phường, phòng Giao dịch số 14 - KBNN KV III, cấp số kinh phí trên để các đơn vị thực hiện; các phòng, ban, đơn vị, trường học thuộc phường Uông Bí có trách nhiệm quản lý, sử dụng kinh phí theo đúng quy định.

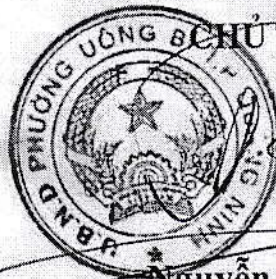
Điều 3. Các ông, bà: Chánh Văn phòng HĐND và UBND, Trưởng phòng Kinh tế, Trưởng các phòng, ban, đơn vị, trường học thuộc phường Uông Bí, Trưởng phòng Giao dịch số 14-KBNN KV III và Thủ trưởng các đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. 

Nơi nhận:

- Như điều 3 (T/h);
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH



Nguyễn Đức Hòa

NHỮ CẦU, NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 161/2026/NĐ-CP KHỐI PHÒNG, BAN, ĐƠN VỊ

Kèm theo Quyết định số: 2629/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2026 của UBND phường Ưông Bí

ĐVT: nghìn đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng nhu cầu kinh phí	Trong đó				Nguồn để lại tại đơn vị	Kinh phí tăng lương đợt này	Trong đó			Nguồn thừa đơn vị điều chỉnh giảm đợt này	Nguồn còn thừa để lại đơn vị chuyển sử dụng đợt sau
			Lương, PC và các khoản đóng góp	Tiền thưởng	Tăng biên chế	Giảm biên chế			KP tăng lương NS cấp đợt này	KP tăng lương dùng nguồn CCTL để lại tại đơn vị (học phí)	KP tăng lương dùng nguồn tại đơn vị		
1	2	3 = 4+5+6+7	4	5	6	7	8	9 = 10+11+12	10	11	12	13 = 9-3-12	14 = 8-11-12
	Tổng cộng	6.324.743	5.623.248	701.495	-	-	684.750	6.324.743	5.639.993	684.750	-	-	-
1	Văn phòng HĐND & UBND	182.230	155.731	26.499				182.230	182.230	-		-	-
-	Cán bộ, công chức	173.240	146.741	26.499				173.240	173.240	-		-	-
-	Đại biểu HĐND	8.990	8.990					8.990	8.990	-		-	-
2	Phòng Văn hóa - XH	105.232	99.318	5.914				105.232	105.232				-
3	Phòng xây dựng NN & MT	99.617	93.269	6.348				99.617	99.617	-			-
4	Phòng Kinh tế	76.012	72.898	3.114				76.012	76.012	-			-
5	Trung tâm HHC	67.330	63.109	4.221				67.330	67.330				-
6	Văn phòng Đảng ủy	197.346	185.811	11.535		-	-	197.346	197.346	-		-	-
-	Cán bộ, công chức	151.489	142.191	9.298				151.489	151.489	-			-
-	Cấp ủy	11.799	11.799					11.799	11.799	-		-	-
-	Trung tâm chính trị	34.058	31.821	2.237				34.058	34.058	-			-
7	Cơ quan UBMT TQ phường	67.246	63.062	4.184				67.246	67.246	-			-
8	Trạm Y tế	314.010	273.470	40.540				314.010	314.010				-
9	Mầm non Ưông Bí	947.080	831.630	115.450			128.840	947.080	818.240	128.840			-
10	Tiểu học Quang Trung	1.020.230	902.430	117.800			-	1.020.230	1.020.230				-
11	Tiểu học Thanh Sơn	661.420	584.520	76.900			-	661.420	661.420				-
12	THCS Trần Quốc Toàn	814.480	722.530	91.950			235.340	814.480	579.140	235.340			-
13	THCS Nguyễn Trãi	790.960	701.140	89.820			237.700	790.960	553.260	237.700			-
14	TH & THCS Ưông Bí	981.550	874.330	107.220			82.870	981.550	898.680	82.870			-



UBND PHƯỜNG ĐỒNG BÌ
NHU CẦU, NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN NGHỊ ĐỊNH 162/2026/NĐ-CP NĂM 2026
Kèm theo Quyết định số: 2629/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2026 của UBND phường Ưông Bì)

Đơn vị tính: nghìn đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng nhu cầu tăng lương	Theo ND 162/2026		Nguồn CCTL của đơn vị	Ngân sách phòng cấp bổ sung
			(Hưu xã)	(BCT khu phố)		
1	2	3 = 4+5+6	5	6	7	8 = 7-3
	Tổng cộng	401.400	27.000	374.400	-	401.400
1	Phòng Văn hóa - xã hội	27.000	27.000		-	27.000
2	Văn phòng HĐND & UBND	374.400		374.400	-	374.400

Số tiền bằng chữ: Bốn trăm linh một triệu bốn trăm nghìn đồng./.